

KẾT LUẬN THANH TRA

Việc cấp Giấy CNQSD đất đối với 110 lô đất tại thôn Phương Quý 1, xã Vinh Quang và việc thu hồi đất, hủy bỏ Giấy CNQSD đất đã cấp sai quy định

Thực hiện Văn bản số 4063/UBND-NNTN ngày 28/10/2020 của UBND tỉnh v/v xử lý đối với báo cáo của Sở Tài nguyên và Môi trường;

Từ ngày 18/11/2020 đến ngày 20/12/2020, Đoàn thanh tra theo Quyết định số 764/QĐ-STNMT ngày 03/11/2020 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường đã tiến hành thanh tra việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 110 lô đất tại thôn Phương Quý 1, xã Vinh Quang và việc thu hồi đất, hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp sai quy định.

Thực hiện Văn bản (mật) số 72/UBND-NNTN ngày 05/02/2021 của UBND tỉnh v/v xử lý nội dung xin ý kiến về dự thảo Kết luận thanh tra;

Xét Báo cáo ngày 12/01/2021 của Trưởng đoàn thanh tra và Tờ trình số 11/TT-TTr ngày 09/02/2021 của Chánh Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường,

Kết luận thanh tra như sau:

I. Kết quả thanh tra:

1. Thông tin chung:

Xã Vinh Quang thuộc thành phố Kon Tum, được thành lập theo Nghị định số 15/NĐ-CP ngày 10/4/2009 của Chính phủ. Xã Vinh Quang nằm về hướng Tây cách trung tâm thành phố Kon Tum 3 km, trên trục tỉnh lộ 675 và tỉnh lộ 666 (cũ), giáp trung tâm thành phố Kon Tum; với 06 thôn, trong đó có 03 thôn người đồng bào dân tộc thiểu số. Xã có diện tích tự nhiên 1.056,23ha (đất nông nghiệp 696,54ha, chiếm 65,95%; đất phi nông nghiệp 359,69ha, chiếm 34,05%); dân số 10.789 người, với 2.427 hộ.

Về điều kiện tự nhiên: Đất đai chủ yếu là đất triền đồi, độ dốc trung bình, tình chất đất chủ yếu là pheralic nâu xám, pha cát, thích hợp cây công nghiệp dài ngày như cao su, cà phê; một phần nhỏ đất phù sa sông, suối bồi đắp phù hợp trồng cây lương thực ngắn ngày như lúa, ngô, rau xanh; một phần sông ĐăkBlá đi qua địa bàn 05 thôn (Kon Rờ Bàn 2, Phương Quý 1, Phương Quý 2, Konhngô Kotu và thôn Trung Thành). Về sông ngòi có 01 phần hệ thống suối Đăk Cẩm và suối Đăk Toreh. Khí hậu nhiệt đới gió mùa, phân 02 mùa mưa, nắng rõ rệt trong năm. Tài nguyên khoáng sản chủ yếu gồm cát, sỏi xây dựng trữ lượng nhỏ, phân bố chủ yếu dọc sông, suối.

Vào năm UBND thị xã Kon Tum cấp các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (*Giấy CNQSD đất*) với 110 lô đất cho các hộ tại khu vực giãn dân, thôn Phương Quý 1, xã Vinh Quang. Để làm rõ trách nhiệm, xử lý theo quy định pháp luật đối với tập thể, cá nhân có liên quan đến cấp đất sai, cấp Giấy CNQSD đất sai quy định gây thất thoát ngân sách nhà nước, tại Văn bản số 4063/UBND-NNTN ngày 28/10/2020 UBND tỉnh đã chỉ đạo thanh tra việc cấp Giấy CNQSD đất đối với 110 lô đất tại thôn Phương Quý 1, xã Vinh Quang và việc thu hồi đất, hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp sai quy định.

II. Kết quả thanh tra:

1. Việc cấp Giấy CNQSD đất đối với 110 lô đất tại thôn Phương Quý 1, xã Vinh Quang, thành phố Kon Tum:

Theo Báo cáo số 339/BC-TN&MT ngày 02/12/2020 của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Kon Tum, quá trình thực hiện việc cấp Giấy CNQSD đất đối với 110 lô đất tại thôn Phương Quý 1, xã Vinh Quang, thành phố Kon Tum như sau:

- Về nguồn gốc sử dụng đất: Đất công do UBND xã Vinh Quang quản lý.
- Về quá trình tham mưu, công tác xét duyệt cấp 110 lô đất và Giấy CNQSD đất cho các hộ gia đình, cá nhân như sau: Năm 2000-2001 thực hiện chủ trương tách hộ lập vườn, UBND xã Vinh Quang đã xin chủ trương UBND thị xã Kon Tum để thực hiện việc cấp đất giãn dân, tách hộ tại khu vực thôn Phương Quý, xã Vinh Quang, sau đó lập thủ tục để phân lô và thực hiện giao đất cho các hộ dân trên địa bàn xã Vinh Quang (*Quyết định số 36/QĐ-UB ngày 28/12/2020 của UBND thị xã Kon Tum*).
- Về công tác xác định nghĩa vụ tài chính và xác định nghĩa vụ tài chính về đất của người được cấp Giấy CNQSD đất: Tại thời điểm cấp Giấy CNQSD đất các hộ gia đình, cá nhân chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định.
- Danh sách hộ gia đình, cá nhân được cấp đất và Giấy CNQSD đất: 110 lô đất, với diện tích 154.373m², có danh sách kèm theo (*tại Phụ lục số 01*).

Quá trình thanh tra cho thấy, hiện nay tại UBND xã Vinh Quang và tại Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Kon Tum không lưu trữ hồ sơ cấp Giấy CNQSD đất đối với 110 lô đất tại thôn Phương Quý 1, xã Vinh Quang, thành phố Kon Tum theo Quyết định số 36/QĐ-UB ngày 28/12/2020 của UBND thị xã Kon Tum.

2. Hồ sơ thu hồi 110 lô đất tại thôn Phương Quý 1, xã Vinh Quang, thành phố Kon Tum; việc triển khai các quyết định thu hồi đất, hủy bỏ các Giấy CNQSD đất của UBND thị xã Kon Tum:

2.1. Hồ sơ thu hồi 110 lô đất tại thôn Phương Quý 1, xã Vinh Quang, thành phố Kon Tum:

Trên cơ sở báo cáo kết quả kiểm tra tình hình quản lý và sử dụng đất trên địa bàn xã Vinh Quang, vào ngày 17-3-2006 Ban Thường vụ Thị ủy Kon Tum

đã ban hành Thông báo số 74-TB/TU kết luận Hội nghị Ban thường vụ Thị uỷ bất thường; trong đó, chỉ đạo, giao UBND thị xã Kon Tum xử lý đối với khu vực giãn dân thôn Phương Quý 1, xã Vinh Quang như sau: (i) Ra quyết định thu hồi 73 lô đất cấp sai đối tượng hiện chưa xây dựng nhà ở; chỉ đạo các ngành chức năng tiến hành xác định lại quy hoạch của khu vực này, nếu phù hợp với quy hoạch thì tiến hành họp dân thôn Kon Rờ Bàng để công khai bàn bạc và cấp đất đối với các hộ đồng bào dân tộc thiểu số thiếu đất ở hoặc tách hộ; (ii) Đối với 41 trường hợp đã xây dựng nhà ở, UBND thị xã Kon Tum chỉ đạo các ngành chức năng xác định lại, mức đất ở được giao theo quy định và hoàn chỉnh thủ tục cấp đất; việc thu tiền sử dụng đất tại thời điểm năm 2006; (iii) Chỉ đạo UBND xã Vinh Quang tổ chức họp dân thông báo kết quả giải quyết của Ban Thường vụ Thị uỷ Kon Tum và công khai xin lỗi nhân dân về việc cấp đất sai đối tượng, đòi thời trả lại tiền cho các hộ đã nộp tiền vào ngân sách xã khi được chia đất (*từ 400.000 đồng đến 450.000 đồng/lô*).

Ngày 28/3/2006 UBND xã Vinh Quang có Tờ trình số 07/TTr-UBND về việc đề nghị thu hồi đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo Tờ trình này, UBND xã Vinh Quang đề nghị thu hồi đất và Giấy CNQSD đất của 106 hộ gia đình và cá nhân với diện tích 138.687m² và thu đất của 4 hộ với diện tích 6551m² đã có Quyết định số 120/QĐ-UB ngày 30/9/2004 về việc thu hồi huỷ bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND thị xã Kon Tum. Theo danh sách thu hồi đất kèm theo Tờ trình có 04 trường hợp thu hồi đất, diện tích 6.551m² đã có quyết định (*Quyết định số 120/QĐ-UB ngày 30/9/2004 của UBND thị xã Kon Tum*).

Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Kon Tum có Tờ trình số 126/TTr-TN&MT ngày 29/3/2006 về việc đề nghị thu hồi đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND thị xã Kon Tum cấp tại Quyết định số 36/QĐ-UB ngày 28 tháng 12 năm 2001.

Trên cơ sở đề nghị của UBND xã Vinh Quang và của Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Kon Tum, vào ngày 04/4/2006 UBND thị xã Kon Tum ban hành 110 Quyết định thu hồi huỷ bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do giao đất không đúng đối tượng và chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính; đồng thời giao Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Kon Tum thu hồi các Giấy CNQSD đất đã cấp ngày 28/12/2001 và giao UBND xã Vinh Quang có trách nhiệm quản lý chặt chẽ quỹ đất thu hồi.

Vào ngày 26/4/2006 UBND thị xã Kon Tum ban hành Thông báo số 34/TB-UBND về việc thu hồi đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại xã Vinh Quang, gửi đến các ngân hàng, quỹ tín dụng. Theo Thông báo này, UBND thị xã Kon Tum thông báo đã thu hồi và huỷ bỏ Giấy CNQSD đất đã cấp cho 110 hộ gia đình, cá nhân với diện tích thu hồi 138.687m² tại thôn Phương Quý 1, xã Vinh Quang; lý do thu hồi là UBND xã Vinh Quang đã giao đất sai thẩm quyền giao đất, sai đối tượng giao đất, không lập đầy đủ thủ tục, hồ sơ đề nghị UBND thị xã Kon Tum giao đất theo đúng quy định của Luật Đất đai.

2.2. *Việc triển khai các quyết định thu hồi đất, huỷ bỏ các Giấy CNQSD đất của UBND thị xã Kon Tum:*

a) *Việc thu hồi đất:*

Sau khi ban hành các Quyết định thu hồi đất, UBND thị xã Kon Tum đã giao UBND xã Vinh Quang có trách nhiệm quản lý chặt chẽ quỹ đất thu hồi. Tuy nhiên, trên thực tế UBND xã Vinh Quang không quản lý được quỹ đất do UBND thị xã Kon Tum thu hồi vì các hộ dân lấn, chiếm đất và tổ chức xây nhà ở trên đất (*diện tích đất lấn, chiếm có đến năm 2009 là 11.169,5m², theo số liệu báo cáo của UBND xã Vinh Quang*). UBND xã Vinh Quang cũng không kịp thời báo cáo việc UBND thị xã Kon Tum giao quản lý để đề xuất UBND thị xã Kon Tum có hướng chỉ đạo.

b) *Việc thu hồi các Giấy CNQSD đất:*

Sau khi ban hành các Quyết định thu hồi đất, UBND thị xã Kon Tum đã giao Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Kon Tum thu hồi các Giấy CNQSD đất đã cấp ngày 28/12/2001. Tuy nhiên, theo số liệu báo cáo của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Kon Tum, thì đơn vị chỉ thu hồi được 28 Giấy CNQSD đất với diện tích 42.039m², theo các quyết định của UBND thị xã Kon Tum vào ngày 04/4/2006; trong đó, có 07 trường hợp vị trí đất hiện nay thuộc địa giới hành chính phường Ngô Mây và 21 trường hợp thuộc địa giới hành chính xã Vinh Quang, có danh sách kèm theo (*tại Phụ lục số 02, 03*).

Có 82 trường hợp còn lại hợp không giao nộp Giấy CNQSD đất, Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Kon Tum chưa thu hồi được các Giấy CNQSD đất đã cấp (*vị trí đất hiện nay thuộc địa giới hành chính phường Ngô Mây có 23 trường hợp; vị trí đất hiện nay thuộc địa giới hành chính xã Vinh Quang có 59 trường hợp; chi tiết tại Phụ lục số 04*). Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Kon Tum cũng không có thông báo gửi đến Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất và UBND xã Vinh Quang được biết đối với các trường hợp không thu hồi được Giấy CNQSD đất theo quy định.

3. Rà soát các trường hợp nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất trước thời điểm thu hồi đất, nhưng không thực hiện nghĩa vụ tài chính; các trường hợp không thực hiện việc ban giao đất và nộp lại Giấy CNQSD đất mà tiếp tục sử dụng, vẫn được cấp Giấy CNQSD đất, chuyển nhượng cho người khác:

Theo kết quả rà soát, cung cấp thông tin của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Kon Tum và Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Kon Tum, có tình trạng có một số trường hợp không thực hiện việc ban giao đất và nộp lại Giấy CNQSD đất mà tiếp tục sử dụng, vẫn được cấp có thẩm quyền cấp Giấy CNQSD đất, chuyển nhượng cho người khác.

Sau đây là một số trường hợp mà Đoàn thanh tra phát hiện qua rà soát hồ sơ tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Kon Tum, cụ thể: Trong 82 trường hợp các hộ gia đình, cá nhân không nộp lại Giấy CNQSD đất, UBND

thành phố Kon Tum đã cấp đổi, cấp lại cho 05 trường hợp (gồm ông Lê Duy Kha; ông Đặng Ân; ông Nguyễn Văn Thâm và bà Trần Thị Ai Vy; ông Nguyễn Văn Thâm). Tuy nhiên, qua rà soát Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Kon Tum cung cấp 03 bản gốc Giấy CNQSD đất (ông Đặng Ân; ông Nguyễn Văn Thâm và bà Trần Thị Ai Vy); các trường hợp còn lại bản gốc Giấy CNQSD đất không lưu trữ tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Kon Tum.

3.1. Các trường hợp không thực hiện việc ban giao đất và nộp lại Giấy CNQSD đất mà tiếp tục sử dụng, được cấp đổi Giấy CNQSD đất:

a) Trường hợp của ông Đặng Ân:

Ông Đặng Ân được UBND thị xã Kon Tum giao đất tại Quyết định số 36/QĐ-UB ngày 28/12/2000; được cấp Giấy CNQSD đất số vào sổ 01951/QSDĐ/36/QĐ-UB(TX) ngày 28/12/2001, diện tích 1.752m², thửa đất số 42, tờ bản đồ số 13, thôn Phương Quý 1, xã Vinh Quang, thành phố Kon Tum.

Tại Quyết định số 145/QĐ-UBND ngày 04/4/2006 của UBND thị xã Kon Tum, giao UBND xã Vinh Quang có trách nhiệm thu hồi diện tích đất 1.752m², Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Kon Tum thu hồi Giấy CNQSD đất số vào sổ 01951/QSDĐ/36/QĐ-UB(TX) ngày 28/12/2001, nhưng các đơn vị này không thực hiện.

Tuy nhiên, theo Thông báo số 74-TB/TU ngày 17-3-2006 của Ban Thường vụ Thị uỷ Kon Tum và theo kết luận của Chủ tịch UBND thành phố Kon Tum tại Thông báo số 177/TB-UBND ngày 13/10/2010, do ông Đặng Ân có nhà ở ổn định nên thuộc trường hợp được cấp lại Giấy CNQSD đất và phải nộp tiền sử dụng đất theo quy định. Đến ngày 03/10/2017 ông Đặng Ân được UBND thành phố Kon Tum cấp Giấy CNQSD đất số CK 45384, tại thửa đất số 92, tờ bản đồ số 32, thôn Phương Quý 1, xã Vinh Quang, diện tích 1.691,9m² (đất ở nông thôn 400m², đất trồng cây hàng năm khác 1.291,9m²) và ông Đặng Ân đã thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định.

b) Trường hợp của ông Nguyễn Văn Thâm:

Ông Nguyễn Văn Thâm được UBND thị xã Kon Tum giao đất tại Quyết định số 36/QĐ-UB ngày 28/12/2020; được cấp Giấy CNQSD đất số vào sổ 01944/QSDĐ/36/QĐ-UB(TX) ngày 28/12/2001, diện tích 1.680m², thửa đất số 34, tờ bản đồ số 13, thôn Phương Quý 1, xã Vinh Quang, thành phố Kon Tum.

Tại Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 04/4/2006 của UBND thị xã Kon Tum, giao UBND xã Vinh Quang có trách nhiệm thu hồi diện tích đất 1.680m², Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Kon Tum thu hồi Giấy CNQSD đất số vào sổ 01944/QSDĐ/36/QĐ-UB(TX) ngày 28/12/2001, nhưng các đơn vị này không thực hiện.

Tuy nhiên, theo Thông báo số 74-TB/TU ngày 17-3-2006 của Ban Thường vụ Thị uỷ Kon Tum và theo kết luận của Chủ tịch UBND thành phố Kon Tum tại Thông báo số 177/TB-UBND ngày 13/10/2010, do ông Nguyễn

Văn Thâm có nhà ở ổn định nên thuộc trường hợp được cấp lại Giấy CNQSD đất và phải nộp tiền sử dụng đất theo quy định. Đến năm 2015 ông Nguyễn Văn Thâm được UBND thành phố Kon Tum cấp Giấy CNQSD đất số U326725 tại thửa đất số 51, tờ bản đồ số 12, thôn Phương Quý 1, xã Vinh Quang, diện tích 1.607,6m² (đất ở nông thôn 400m², đất trồng cây hàng năm khác 1.207,6,9m²) và ông Nguyễn Văn Thâm đã thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định.

c) Trường hợp của bà Trần Thị Mỹ Linh:

Bà Trần Thị Mỹ Linh được UBND thị xã Kon Tum giao đất tại Quyết định số 36/QĐ-UB ngày 28/12/2020; được cấp Giấy CNQSD đất số vào sổ 01556/QSĐĐ/36/QĐ-UB(TX) ngày 28/12/2001, diện tích 1.892m², thửa đất số 97, tờ bản đồ số 14, thôn Phương Quý 1, xã Vinh Quang, thành phố Kon Tum.

Tại Quyết định số 174/QĐ-UBND ngày 04/4/2006 của UBND thị xã Kon Tum, giao UBND xã Vinh Quang có trách nhiệm thu hồi diện tích đất 1.892m², Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Kon Tum thu hồi Giấy CNQSD đất số vào sổ 01556/QSĐĐ/36/QĐ-UB(TX) ngày 28/12/2001, nhưng các đơn vị này không thực hiện.

Tuy nhiên, theo Thông báo số 74-TB/TU ngày 17-3-2006 của Ban Thường vụ Thị uỷ Kon Tum và theo kết luận của Chủ tịch UBND thành phố Kon Tum tại Thông báo số 177/TB-UBND ngày 13/10/2010, do bà Trần Thị Mỹ Linh có nhà ở ổn định nên thuộc trường hợp được cấp lại Giấy CNQSD đất và phải nộp tiền sử dụng đất theo quy định. Đến ngày 30/6/2011 bà Trần Thị Mỹ Linh được UBND thành phố Kon Tum cấp Giấy CNQSD đất số BĐ 956949, tại thửa đất số 167, tờ bản đồ số 36, thôn Phương Quý 1, xã Vinh Quang, diện tích 1.847,7m² (đất ở nông thôn 400m², đất trồng cây hàng năm khác 1.447,7m²) và bà Trần Thị Mỹ Linh đã thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định.

d) Trường hợp của ông Lê Duy Kha:

Ông Lê Duy Kha được UBND thị xã Kon Tum giao đất tại Quyết định số 36/QĐ-UB ngày 28/12/2020; được cấp Giấy CNQSD đất số vào sổ 01926/QSĐĐ/36/QĐ-UB(TX) ngày 28/12/2001, diện tích 1.023m², thửa đất số 13, tờ bản đồ số 13, thôn Phương Quý 1, xã Vinh Quang, thành phố Kon Tum.

Tại Quyết định số 121/QĐ-UBND ngày 04/4/2006 của UBND thị xã Kon Tum, giao UBND xã Vinh Quang có trách nhiệm thu hồi diện tích đất 1.023m², Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Kon Tum thu hồi Giấy CNQSD đất số vào sổ 01926/QSĐĐ/36/QĐ-UB(TX) ngày 28/12/2001, nhưng các đơn vị này không thực hiện.

Tuy nhiên, theo Thông báo số 74-TB/TU ngày 17-3-2006 của Ban Thường vụ Thị uỷ Kon Tum và theo kết luận của Chủ tịch UBND thành phố Kon Tum tại Thông báo số 177/TB-UBND ngày 13/10/2010, do ông Lê Duy Kha có nhà ở ổn định nên thuộc trường hợp được cấp lại Giấy CNQSD đất và phải nộp tiền sử dụng đất theo quy định. Đến ngày 30/6/2014 ông Lê Duy Kha được UBND thành phố Kon Tum cấp Giấy CNQSD đất số BĐ 956949, tại thửa

đất số 27, tờ bản đồ số 32, thôn Phương Quý 1, xã Vinh Quang, diện tích 1.020,8m² (đất ở nông thôn 297m², đất trồng cây hàng năm khác 723,7m²) và ông Lê Duy Kha đã thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định.

3.2. Các trường hợp nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất trước thời điểm thu hồi đất, nhưng không thực hiện nghĩa vụ tài chính:

a) Trường hợp của ông Đặng Hồng Vân:

Ông Đặng Hồng Vân được UBND thị xã Kon Tum giao đất tại Quyết định số 36/QĐ-UB ngày 28/12/2000; được cấp Giấy CNQSD đất số U 326758, số vào sổ 01977 QSDĐ/36/QĐ-UB(TX) ngày 28/12/2001, diện tích 1.681m², thửa đất số 70, tờ bản đồ số 13, thôn Phương Quý 1, xã Vinh Quang, thành phố Kon Tum.

Vào ngày 12/6/2004 ông Đặng Hồng Vân đã chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Tú với diện tích đất 280m² (trong đó 100m² đất ở và 180m² đất vườn). Vào ngày 18/5/2005 ông Đặng Hồng Vân đã chuyển nhượng cho bà Trần Thị Phương với diện tích đất 336m² (trong đó 100m² đất ở và 236m² đất vườn).

Vào ngày 04/4/2006 UBND thị xã Kon Tum ban hành Quyết định số 160/QĐ-UBND, thu hồi diện tích 1.681m² đất và huỷ bỏ Giấy CNQSD đất đã cấp cho ông (bà) Đặng Hồng Vân, thửa đất số 70, tờ bản đồ số 13, thôn Phương Quý 1, xã Vinh Quang (Giấy CNQSD đất số U 326758, số vào sổ 01977 QSDĐ/36/QĐ-UB(TX) ngày 28/12/2001).

Như vậy, trước thời điểm UBND thị xã Kon Tum ban hành Quyết định thu hồi toàn bộ diện tích đất và huỷ bỏ Giấy CNQSD đất của ông Đặng Hồng Vân (vào ngày 04/4/2006), thì ông Đặng Hồng Vân đã thực hiện việc chuyển nhượng một phần diện tích đất cho người khác là 616m² (đất ở nông thôn 200m² và đất vườn 416m²).

b) Trường hợp của ông Trần Xuân Thông:

Ông Trần Xuân Thông được UBND thị xã Kon Tum giao đất tại Quyết định số 36/QĐ-UB ngày 28/12/2000; được cấp Giấy CNQSD đất số vào sổ 01941/QSDĐ/36/QĐ-UB(TX) ngày 28/12/2001, diện tích 1.669m², thửa đất số 31, tờ bản đồ số 13, thôn Phương Quý 1, xã Vinh Quang, thành phố Kon Tum.

Trong diện tích đất trên, ông Trần Xuân Thông lập Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông Phạm Văn Sóng, diện tích 570m² (gồm 150m² đất ở nông thôn và 420m² đất vườn), được UBND thị xã Kon Tum cấp đổi Giấy CNQSD đất số AC 919625 ngày 22/3/2006 cho ông Phạm Văn Sóng.

Vào ngày 04/4/2006 UBND thị xã Kon Tum ban hành Quyết định số 135/QĐ-UBND, thu hồi diện tích 1.669m² đất và huỷ bỏ Giấy CNQSD đất đã cấp cho ông Trần Xuân Thông, thửa đất số 31, tờ bản đồ số 13, thôn Phương Quý 1, xã Vinh Quang (Giấy CNQSD đất số vào sổ 01941 QSDĐ/36/QĐ-UB(TX) ngày 28/12/2001).

Trên diện tích đất 570m² được cấp đổi Giấy CNQSD đất số AC 919625 ngày 22/3/2006, ông Phạm Văn Sóng chuyển nhượng toàn bộ quyền sử dụng đất cho bà Bùi Thị Ngọc Trâm vào ngày 13/11/2015; bà Bùi Thị Ngọc Trâm thế chấp quyền sử dụng đất để vay vốn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam Chi nhánh Kon Tum - Phòng Giao dịch Trần Phú; do không có khả năng trả nợ, nên Chi cục Thi hành án thành phố Kon Tum đã bán tài sản là quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Lê Thanh An theo hình thức bán đấu giá năm 2019.

Như vậy, trước thời điểm UBND thị xã Kon Tum ban hành Quyết định thu hồi toàn bộ diện tích đất và huỷ bỏ Giấy CNQSD đất của ông Trần Xuân Thông (vào ngày 04/4/2006), thì ông Trần Xuân Thông đã thực hiện việc chuyển nhượng một phần diện tích đất cho người khác là 570m² (đất ở nông thôn 150m² và đất vườn 420m²).

4. Kết quả kiểm tra việc sử dụng đất tại thực địa:

Ngày 10/12/2020 Sở Tài nguyên và Môi trường (Đoàn thanh tra) phối hợp với các đơn vị liên quan (Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Kon Tum, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Kon Tum, UBND phường Ngô Mây, UBND xã Vinh Quang) cùng tiến hành kiểm tra việc sử dụng đất trên thực địa vị trí đất 110 lô đất được giao đất, thu hồi đất tại thôn Phương Quý 1, xã Vinh Quang (nay thuộc địa giới hành chính của thôn Kon Rơ Bàng, phường Ngô Mây và thôn Phương Quý, xã Vinh Quang), với kết quả như sau:

4.1. Tại khu vực đất thuộc địa giới hành chính phường Ngô Mây, thành phố Kon Tum:

Theo sơ đồ vị trí 110 lô đất cấp Giấy CNQSD đất vào năm 2001, thì trên địa bàn phường Ngô Mây (trước đây thuộc thôn Phương Quý 1, xã Vinh Quang; thay đổi địa giới hành chính sau khi tách Phường), xác định có 30 lô đất.

- Kết quả kiểm tra thực địa, tại vị trí này các hộ dân (tại thôn Phương Quý, xã Vinh Quang) đã lấn, chiếm đất, sử dụng đất để trồng cây mỳ, bờ lờ trên đất; ranh giới các lô đất không còn đúng với sơ đồ phân lô tại thời điểm năm 2001.

- UBND phường Ngô Mây xác định, đối với các hộ được giao đất và cấp Giấy CNQSD đất vào năm 2001 không có hộ nào tiếp tục sử dụng vào mục đích đất ở tại khu vực đất này.

- Hiện nay UBND phường Ngô Mây chưa thống kê cụ thể được chủ sử dụng đất thực tế đã lấn, chiếm đất, sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp (các hộ dân không kê khai, sử dụng đất tại bản đồ đo đạc địa chính chính quy năm 2009 trên địa bàn phường Ngô Mây).

4.2. Tại khu vực đất thuộc địa giới hành chính xã Vinh Quang, thành phố Kon Tum:

- Theo sơ đồ vị trí 110 lô đất cấp Giấy CNQSD đất vào năm 2001, thì trên địa bàn xã Vinh Quang (trước đây thuộc thôn Phương Quý 1, xã Vinh

Quang; thay đổi địa giới hành chính sau khi tách Phường), xác định có 80 lô đất.

- Có 34 trường hợp (34 lô đất) được giao đất năm 2001, đã sử dụng đất và xây nhà trên đất.

- Có 18 trường hợp (18 lô đất) không được giao đất năm 2001, nhưng đã lấn, chiếm đất và làm nhà ở trên đất (trong đó có 12 trường hợp đã xây nhà ở sinh sống trên đất).

- Đối với các trường hợp khác sử dụng đất do lấn chiếm để trồng cây hàng năm trên đất, UBND xã Vinh Quang chưa thống kê được cụ thể được chủ sử dụng đất thực tế.

(Trên cơ sở kết quả kiểm tra thực địa, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Kon Tum đã lập Sơ đồ trích lục thửa đất).

II. Kết luận; biện pháp xử lý:

1. Kết luận:

1.1. Tham mưu giao đất, cấp Giấy CNQSD đất:

Vào năm 2001, UBND xã Vinh Quang, Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Kon Tum tham mưu UBND thị xã Kon Tum ban hành Quyết định số 36/QĐ-UB ngày 28/12/2020 giao đất, cấp 110 Giấy CNQSD đất cho các hộ dân. Theo các quyết định thu hồi đất, huỷ bỏ Giấy CNQSD đất (106 Quyết định thu hồi diện tích đất và huỷ bỏ Giấy CNQSD đất đã cấp; 04 Quyết định thu hồi diện tích đất đã cấp), với lý do giao đất sai thẩm quyền, giao đất không đúng đối tượng sử dụng đất, không lập đầy đủ hồ sơ theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, hiện nay tại UBND xã Vinh Quang và tại Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Kon Tum không lưu trữ hồ sơ cấp Giấy CNQSD đất đối với 110 lô đất tại thôn Phương Quý 1, xã Vinh Quang như trên.

Trách nhiệm đối với tồn tại, hạn chế trong việc tham mưu giao đất, cấp Giấy CNQSD đất không đúng quy định pháp luật, để thất lạc hồ sơ thuộc về UBND xã Vinh Quang và tại Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Kon Tum (nay là Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Kon Tum).

1.2. Quản lý diện tích đất bị thu hồi; tham mưu thu hồi các Giấy CNQSD:

- Sau khi ban hành các Quyết định thu hồi đất, UBND thị xã Kon Tum đã giao UBND xã Vinh Quang có trách nhiệm quản lý chặt chẽ quỹ đất thu hồi, để các hộ dân lấn, chiếm đất và tổ chức xây nhà ở trên đất (diện tích đất lấn, chiếm có đến năm 2009 là 11.169,5m²). Ngoài ra, UBND xã Vinh Quang cung không kịp thời báo cáo việc UBND thị xã Kon Tum giao quản lý để đề xuất UBND thị xã Kon Tum có hướng chỉ đạo.

Trách nhiệm đối với tồn tại, hạn chế này thuộc về UBND xã Vinh Quang giai đoạn năm 2006.

- Sau khi ban hành các Quyết định thu hồi đất, UBND thị xã Kon Tum đã giao Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Kon Tum thu hồi các Giấy CNQSD đất đã cấp ngày 28/12/2001; tuy nhiên Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Kon Tum không thu hồi được 82 Giấy CNQSD đất với diện tích 112.334m². Do đó, vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 42 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai.

Ngoài ra, Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Kon Tum cũng không có thông báo gửi đến Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất và UBND xã Vinh Quang được biết đối với các trường hợp không thu hồi được Giấy CNQSD đất, là vi phạm quy định tại Điều 118 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai.

Trách nhiệm đối với những tồn tại, hạn chế này thuộc về Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Kon Tum (nay là Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Kon Tum) giai đoạn từ năm 2006 trở đi.

1.3. Xử lý các trường hợp đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất trước thời điểm UBND thị xã Kon Tum ban hành Quyết định thu hồi đất:

- Trước thời điểm UBND thị xã Kon Tum ban hành Quyết định số 36/QĐ-UB ngày 28/12/2001 về việc thu hồi và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Đặng Hồng Vân (*diện tích 1.681m², thửa đất số 70, tờ bản đồ số 13, thôn Phương Quý 1, xã Vinh Quang, thành phố Kon Tum*), thì ông Đặng Hồng Vân đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho cho bà Nguyễn Thị Tú với diện tích 280m² vào ngày 12/6/2004 và chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị Phương với diện tích 336m² vào ngày 18/6/2004 (*đã được Phòng Địa chính thị xã Kon Tum chỉnh lý hồ sơ địa chính tại trang 4 Giấy CNQSD đất của ông Đặng Hồng Vân vào năm 2004*).

- Trước thời điểm UBND thị xã Kon Tum ban hành Quyết định số 135/QĐ-UB ngày 28/12/2001 về việc thu hồi và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Trần Xuân Thông (*diện tích 1.669m², thửa đất số 31, tờ bản đồ số 13, thôn Phương Quý 1, xã Vinh Quang, thành phố Kon Tum*), thì ông Trần Xuân Thông đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho cho ông Phạm Văn Sóng với diện tích 570m² (*vào ngày 22/3/2006*), sau đó ông Phạm Văn Sóng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Bùi Thị Ngọc Trâm ngày 13/11/2015; bà Bùi Thị Ngọc Trâm thế chấp quyền sử dụng đất để vay vốn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam Chi nhánh Kon Tum - Phòng Giao dịch Trần Phú; do không có khả năng trả nợ, nên Chi cục Thi hành án thành phố Kon Tum đã bán tài sản là quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Lê Thanh An theo hình thức bán đấu giá vào năm 2019.

Xét về nguồn gốc các lô đất mà các hộ bà Nguyễn Thị Tú, bà Trần Thị Phương và ông Nguyễn Lê Thanh An nhận chuyển nhượng là đất giao không đúng đối tượng, chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính để cấp Giấy CNQSD đất. Tuy nhiên, việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên trước thời điểm cơ quan có thẩm quyền ban hành Quyết định thu hồi đất, nên theo quy định của

Luật Đất đai các trường hợp này không phải thu hồi. Trách nhiệm này thuộc UBND thị xã Kon Tum và Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Kon Tum (giai đoạn từ năm 2000 đến năm 2006) với giá trị tiền sử dụng đất phải truy thu khoảng 44.100.000 đồng (được xác định theo bảng giá đất được quy định tại Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh và hệ số điều chỉnh giá đất được quy định tại Quyết định số 46/2020/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh).

Do không kiểm tra hồ sơ thu hồi đất nên Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Kon Tum đã tham mưu UBND thị xã Kon Tum ban hành quyết định thu hồi đất của ông Đặng Hồng Vân, ông Trần Xuân Thông mà không bóc tách phần diện tích đất đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất, dẫn đến việc cấp Giấy CNQSD đất nhận chuyển nhượng gặp vướng mắc về pháp lý. Hiện nay, liên quan đến các Giấy CNQSD đất đã cấp cho các cá nhân có nguồn gốc chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông Đặng Hồng Vân, ông Trần Xuân Thông được xử lý theo quy định tại Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Đất đai, khoản 26 Điều 1 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và Điều 206, 207 Luật Đất đai năm 2013.

Do đó, UBND thành phố Kon Tum có trách nhiệm điều chỉnh quyết định thu hồi đất của ông Đặng Hồng Vân và ông Trần Xuân Thông vào năm 2006 để giải quyết cho trường hợp nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và xử lý việc cấp Giấy CNQSD đất nhưng chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.

2. Kiến nghị xử lý:

Từ kết quả thanh tra nêu trên, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường kiến nghị, xử lý như sau:

2.1. Kiến nghị UBND tỉnh:

Chỉ đạo UBND thành phố Kon Tum:

- Kiểm tra, rà soát để ban hành thông báo gửi đến các trường hợp đã ban hành quyết định thu hồi đất, nhưng chưa nộp lại Giấy CNQSD đất để thực hiện việc thu hồi triệt để và tiến hành xử lý việc huỷ bỏ các Giấy CNQSD đất theo đúng quy định của pháp luật.

- Đối với các trường hợp sử dụng đất ổn định, có nhà ở trên đất nhưng chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai, tiến hành rà soát, xem xét, lập thủ tục cấp lại Giấy CNQSD đất và thực hiện nghĩa vụ tài chính theo đúng quy định của pháp luật theo nội dung kết luận của Chủ tịch UBND thành phố Kon Tum tại Thông báo số 177/TB-UBND ngày 13/10/2010.

- Đối với các trường hợp đã chuyển nhượng một phần thửa đất trước thời điểm ban hành quyết định thu hồi đất thì xem xét điều chỉnh lại quyết định thu hồi đất đã ban hành vào năm 2006 để giải quyết hồ sơ đất đai cho công dân theo

quy định pháp luật và truy thu số tiền sử dụng đất do chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính (*trong đó có trường hợp của ông Trịnh Xuân Thông đã chuyển nhượng một phần thửa đất nay ông Nguyễn Lê Thanh An trúng đấu giá qua kết quả thi hành án*).

- Đối với các trường hợp lấn chiếm, sử dụng đất đai trái pháp luật, chỉ đạo lập hồ sơ quản lý, lập phương án xử lý để giải quyết tồn tại theo quy định của pháp luật.

- Tổ chức kiểm điểm, làm rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan đối với các nội dung tồn tại, hạn chế được nêu ra theo kết luận thanh tra; trong đó cần làm rõ việc tham mưu, cấp Giấy CNQSD đất vào năm 2001 nhưng không thực hiện nghĩa vụ tài chính để xử lý theo quy định tại Điều 206 và Điều 207 Luật đất đai năm 2013.

2.2. Giao nhiệm vụ cho trưởng các đơn vị thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Văn phòng Đăng ký đất đai:

Chỉ đạo Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Kon Tum rà soát, thống kê chính xác các trường hợp chưa thu hồi được Giấy CNQSD đất để kịp thời ngăn chặn tình trạng chuyển nhượng và thế chấp quyền sử dụng đất tại vị trí nêu trên; giải quyết thủ tục hành chính, cấp Giấy CNQSD đất cho ông Nguyễn Lê Thanh An do trúng đấu giá quyền sử dụng đất theo kết quả thi hành án theo quy định của pháp luật.

b) Thanh tra Sở:

Theo dõi, giám sát kết quả thực hiện các nội dung sau kết luận thanh tra, báo cáo kết quả cho Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, chỉ đạo.

Trên đây là kết luận thanh tra việc cấp Giấy CNQSD đất đối với 110 lô đất tại thôn Phương Quý 1, xã Vinh Quang và việc thu hồi đất, hủy bỏ Giấy CNQSD đất đã cấp sai quy định. Kết luận này được gửi đến UBND tỉnh để xin ý kiến; được gửi đến đối tượng thanh tra và các đơn vị có liên quan để triển khai, thực hiện./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/cáo);
- Thanh tra tỉnh;
- UBND thành phố Kon Tum;
- GD Sở, các PGĐ Sở;
- Văn phòng Đăng ký đất đai;
- Các đơn vị có liên quan;
- Trang TTĐT Sở TN&MT để đăng tin;
- Lưu VT, HSTT, TT_{TNN}.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Lộc

**DANH SÁCH CÁC CÁ NHÂN ĐƯỢC GIAO ĐẤT,
ĐƯỢC CẤP GIẤY CNQSD ĐẤT VÀO NĂM 2001**

STT	Họ và tên	Vị trí được giao đất (thôn)	Diện tích (m²)	Số thửa/tờ bản đồ	Số cấp QSĐĐ
1	Nguyễn Thị Bích Huyền	Phương Quý 1	990	2(9)	01876
2	Nguyễn Nhân	Phương Quý 1	978	3(9)	01877
3	Nguyễn Đức Dũng	Phương Quý 1	973	4(9)	01878
4	Nguyễn Thị Tươi	Phương Quý 1	990	5(9)	01879
5	Nguyễn Thị Kim Hoa	Phương Quý 1	960	6(9)	01880
6	Phan Văn Kiên	Phương Quý 1	1007	7(9)	01881
7	Nguyễn T. Thanh Quang	Phương Quý 1	1003	8(9)	01882
8	Phan Đình Nam	Phương Quý 1	1038	9(9)	01883
9	Nguyễn Thị Nguyễn	Phương Quý 1	998	10(9)	01884
10	Trần Quốc Tuấn	Phương Quý 1	998	11(9)	01885
11	Nguyễn Đức Dũng	Phương Quý 1	998	12(9)	01886
12	Võ Công Đức	Phương Quý 1	1059	13(9)	01887
13	Nguyễn Đình Thi	Phương Quý 1	999	14(9)	01888
14	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	Phương Quý 1	958	15(9)	01889
15	Nguyễn T. Bích Chương	Phương Quý 1	961	16(9)	01890
16	Ngô Tấn Giang	Phương Quý 1	964	17(9)	01891
17	Trương Thị Xuân Hạnh	Phương Quý 1	993	18(9)	01892
18	Nguyễn Khắc Liệt	Phương Quý 1	988	19(9)	01893
19	Nguyễn Phúc Vĩnh	Phương Quý 1	1012	20(9)	01894
20	Nguyễn Thị Kim Anh	Phương Quý 1	982	7(10)	01903
21	Thái Thị Mỹ Thạch	Phương Quý 1	969	8(10)	01904
22	Huỳnh Xuân Quang	Phương Quý 1	974	9(10)	01905
23	Đỗ Thị Thoan	Phương Quý 1	982	10(10)	01906
24	Đỗ Thị Kim Thương	Phương Quý 1	866	11(10)	01907
25	Lê Tấn Thành	Phương Quý 1	912	12(10)	01908
26	Nguyễn Ngọc Huân	Phương Quý 1	974	13(10)	01909
27	Nguyễn Ngọc Bích	Phương Quý 1	997	14(10)	01910
28	Hồ Nguyên Vũ	Phương Quý 1	995	15(10)	01911
29	Nguyễn Văn Khoa	Phương Quý 1	988	16(10)	01912
30	Phạm Văn Phi	Phương Quý 1	1062	17(10)	01913
31	Trịnh Văn Long	Phương Quý 1	1016	21(9)	01895
32	Nguyễn Tường Vi	Phương Quý 1	1016	22(9)	01896
33	Nguyễn Thị Trâm	Phương Quý 1	1006	23(9)	01897
34	Ung Đình Trung	Phương Quý 1	1052	24(9)	01898
35	Nguyễn Đình Truyền	Phương Quý 1	1026	25(9)	01899
36	Nguyễn Minh Kiệt	Phương Quý 1	10150	26(9)	01900
37	Võ Thị Phương Thùy	Phương Quý 1	966	28(9)	01901
38	Trương Thị Xuân Lập	Phương Quý 1	977	29(9)	01902
39	Nguyễn Hồng Chiến	Phương Quý 1	2314	36(13)	01914

40	Nguyễn Tấn Mai	Phuong Quý 1	959	6(13)	01915
41	Nguyễn Thị Phi công	Phuong Quý 1	991	1(13)	01916
42	Huỳnh Thị Môn	Phuong Quý 1	990	3(13)	01917
43	Ngô Đậu	Phuong Quý 1	986	4(13)	01918
44	Ngô Sinh Tùng	Phuong Quý 1	982	5(13)	01919
45	Phan nhật Thành	Phuong Quý 1	928	7(13)	01920
46	Đoàn Văn Sự	Phuong Quý 1	993	8(13)	01921
47	Phạm Văn Sáu	Phuong Quý 1	991	9(13)	01922
48	Nguyễn Anh Tuấn	Phuong Quý 1	1061	10(13)	01923
49	Lê Thái Thực	Phuong Quý 1	1004	11(13)	01924
50	Trần sáu	Phuong Quý 1	1001	12(13)	01925
51	Lê Duy Kha	Phuong Quý 1	1023	13(13)	01926
52	Trần Thị Ái Vi	Phuong Quý 1	1604	15(13)	01927
53	Nguyễn ngọc vũ	Phuong Quý 1	1629	16(13)	01928
54	Nguyễn minh châu	Phuong Quý 1	1645	17(13)	01929
55	Nguyễn Quốc Ngọc	Phuong Quý 1	997	18(13)	01930
56	Nguyễn Thị Ban	Phuong Quý 1	1002	19(13)	01931
57	Trần Công Suy	Phuong Quý 1	1009	20(13)	01932
58	Nguyễn Ngọc Hùng	Phuong Quý 1	1024	21(13)	01933
59	Nguyễn Thị Kim Thu	Phuong Quý 1	1030	22(13)	01934
60	Trịnh Anh Huy	Phuong Quý 1	1044	23(13)	01935
61	Nguyễn Thị Tuyết	Phuong Quý 1	989	24(13)	01936
62	Nguyễn Thị Tình	Phuong Quý 1	1225	26(13)	01937
63	Trần Thị Du Phương	Phuong Quý 1	1045	29(13)	01939
64	Lê Trường Sanh	Phuong Quý 1	1660	30(13)	01940
65	Trần Xuân Thông	Phuong Quý 1	1669	31(13)	01941
66	Ngô Tấn Lực	Phuong Quý 1	1728	32(13)	01942
67	Trịnh Văn Tài	Phuong Quý 1	2493	33(13)	01943
68	Nguyễn Văn Thâm	Phuong Quý 1	1680	34(13)	01944
69	Lê văn Bình	Phuong Quý 1	1674	35(13)	01945
70	Trương Thị Xuân Phúc	Phuong Quý 1	1470	37(13)	01946
71	Nguyễn Xuân Hồng	Phuong Quý 1	1615	38(13)	01947
72	Trần Văn Thuận	Phuong Quý 1	1621	39(13)	01948
73	Đoàn Văn Khương	Phuong Quý 1	1642	40(13)	01949
74	Trần Phú Quý	Phuong Quý 1	1744	41(13)	01950
75	Đặng Ân	Phuong Quý 1	1752	42(13)	01951
76	Đặng Hồng Thăng	Phuong Quý 1	1728	43(13)	01952
77	TRẦN Văn Năm	Phuong Quý 1	1708	44(13)	01953
78	Võ Ngọc Suy	Phuong Quý 1	1650	45(13)	01954
79	Nguyễn Thị Kim Ngân	Phuong Quý 1	1533	46(13)	01955
80	Nguyễn Minh Tuấn	Phuong Quý 1	1572	47(13)	01956
81	Đinh Bạt Vạn	Phuong Quý 1	1510	48(13)	01957
82	Trần Thị Kim Ánh	Phuong Quý 1	1507	54(13)	01962
83	Phùng Đức Lập	Phuong Quý 1	1380	55(13)	01963
84	Trần Hải Quân	Phuong Quý 1	1371	56(13)	01964
85	Võ Thị Thu Hà	Phuong Quý 1	1864	63(13)	01970
86	Lê Văn nhân	Phuong Quý 1	1776	64(13)	01971

87	Nguyễn Đình Thọ	Phuong Quý 1	1657	65(13)	01972
88	Trần Cao Nguyên	Phuong Quý 1	1770	66(13)	01973
89	Phạm Thị Suông	Phuong Quý 1	1604	67(13)	01974
90	Đặng Hồng Vân	Phuong Quý 1	1681	70(13)	01977
91	Nguyễn Thị Chường	Phuong Quý 1	1403	71(13)	01978
92	Huỳnh Hữu Minh	Phuong Quý 1	1532	72(13)	01979
93	Huỳnh Ngọc Châu	Phuong Quý 1	1535	73(13)	01980
94	Trương Công Quý	Phuong Quý 1	1546	74(13)	01981
95	Trần Công Nhân	Phuong Quý 1	1506	75(13)	01982
96	Đoàn Văn Dân	Phuong Quý 1	1389	76(13)	01983
97	Nguyễn Đình Thông	Phuong Quý 1	1383	77(13)	01984
98	Nguyễn Thị Thu Hồng	Phuong Quý 1	2489	87(13)	01994
99	Hà Thị Thành	Phuong Quý 1	2613	28(14)	02008
100	Trần Thị Hoa	Phuong Quý 1	1510	29(14)	01550
101	Hồ Ngọc Trung	Phuong Quý 1	1505	30(14)	01551
102	Trần Thị Minh	Phuong Quý 1	2248	31(14)	01552
103	Ngô Mạnh Chung	Phuong Quý 1	1660	64(14)	01554
104	Trần Thị Mỹ Linh	Phuong Quý 1	1892	97(14)	01556
105	Nguyễn Thị Hải	Phuong Quý 1	1844	1(14)	01583
106	Nguyễn Tàu	Phuong Quý 1	1465	11(14)	01590
107	Lê Thị Ngọc Được	Phuong Quý 1	1463	2(14)	
108	Bùi Văn Thọ	Phuong Quý 1	2481	3(14)	
109	Lê Thị Chúng	Phuong Quý 1	1199	194(14)	
110	Phạm Kim Nhị	Phuong Quý 1	1408	27(14)	
	Tổng Cộng		154.373m²		

**DANH SÁCH CÁC QUYẾT ĐỊNH
THU HỒI ĐẤT, THU HỒI GIẤY CNQSD ĐẤT**

STT	Họ và tên	Địa chỉ thửa đất (thôn)	Diện tích (m ²)	Số, ngày Quyết định	
I	Thu hồi diện tích đất, đồng thời thu hồi các Giấy CNQSD đất				
1	Nguyễn Thị Bích Huyền	Phương Quý 1	990	71/QĐ-UBND	04/4/2006
2	Nguyễn Nhân	Phương Quý 1	978	72/QĐ-UBND	04/4/2006
3	Nguyễn Đức Dũng	Phương Quý 1	973	73/QĐ-UBND	04/4/2006
4	Nguyễn Thị Tươi	Phương Quý 1	990	74/QĐ-UBND	04/4/2006
5	Nguyễn Thị Kim Hoa	Phương Quý 1	960	75/QĐ-UBND	04/4/2006
6	Phan Văn Kiên	Phương Quý 1	1.007	76/QĐ-UBND	04/4/2006
7	Nguyễn T. Thanh Quang	Phương Quý 1	1.003	77/QĐ-UBND	04/4/2006
8	Phan Đình Nam	Phương Quý 1	1.038	78/QĐ-UBND	04/4/2006
9	Nguyễn Thị Nguyễn	Phương Quý 1	998	79/QĐ-UBND	04/4/2006
10	Trần Quốc Tuấn	Phương Quý 1	998	80/QĐ-UBND	04/4/2006
11	Nguyễn Đức Dũng	Phương Quý 1	998	81/QĐ-UBND	04/4/2006
12	Võ Công Đức	Phương Quý 1	1.059	82/QĐ-UBND	04/4/2006
13	Nguyễn Đình Thi	Phương Quý 1	999	83/QĐ-UBND	04/4/2006
14	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	Phương Quý 1	958	84/QĐ-UBND	04/4/2006
15	Nguyễn T. Bích Chương	Phương Quý 1	961	85/QĐ-UBND	04/4/2006
16	Ngô Tấn Giang	Phương Quý 1	964	86/QĐ-UBND	04/4/2006
17	Trương Thị Xuân Hạnh	Phương Quý 1	993	87/QĐ-UBND	04/4/2006
18	Nguyễn Khắc Liệt	Phương Quý 1	988	88/QĐ-UBND	04/4/2006
19	Nguyễn Phúc Vĩnh	Phương Quý 1	1.012	89/QĐ-UBND	04/4/2006
20	Nguyễn Thị Kim Anh	Phương Quý 1	982	98/QĐ-UBND	04/4/2006
21	Thái Thị Mỹ Thạch	Phương Quý 1	969	99/QĐ-UBND	04/4/2006
22	Huỳnh Xuân Quang	Phương Quý 1	974	100/QĐ-UBND	04/4/2006
23	Đỗ Thị Thoan	Phương Quý 1	982	101/QĐ-UBND	04/4/2006
24	Đỗ Thị Kim Thương	Phương Quý 1	866	102/QĐ-UBND	04/4/2006
25	Lê Tấn Thành	Phương Quý 1	912	103/QĐ-UBND	04/4/2006
26	Nguyễn Ngọc Huân	Phương Quý 1	974	104/QĐ-UBND	04/4/2006
27	Nguyễn Ngọc Bích	Phương Quý 1	997	105/QĐ-UBND	04/4/2006
28	Hồ Nguyên Vũ	Phương Quý 1	995	106/QĐ-UBND	04/4/2006
29	Nguyễn Văn Khoa	Phương Quý 1	988	107/QĐ-UBND	04/4/2006
30	Phạm Văn Phi	Phương Quý 1	1.062	108/QĐ-UBND	04/4/2006
31	Trịnh Văn Long	Phương Quý 1	1.016	90/QĐ-UBND	04/4/2006
32	Nguyễn Tường Vi	Phương Quý 1	1.016	91/QĐ-UBND	04/4/2006
33	Nguyễn Thị Trâm	Phương Quý 1	1.006	92/QĐ-UBND	04/4/2006
34	Ung Đình Trung	Phương Quý 1	1.052	93/QĐ-UBND	04/4/2006
35	Nguyễn Đình Truyền	Phương Quý 1	1.026	94/QĐ-UBND	04/4/2006
36	Nguyễn Minh Kiệt	Phương Quý 1	10.15	95/QĐ-UBND	04/4/2006
37	Võ Thị Phương Thùy	Phương Quý 1	966	96/QĐ-UBND	04/4/2006
38	Trương Thị Xuân Lập	Phương Quý 1	977	97/QĐ-UBND	04/4/2006
39	Nguyễn Hồng Chiến	Phương Quý 1	2.314	109/QĐ-UBND	04/4/2006

40	Nguyễn Tấn Mai	Phuong Quý 1	959	110/QĐ-UBND	04/4/2006
41	Nguyễn Thị Phi công	Phuong Quý 1	991	111/QĐ-UBND	04/4/2006
42	Huỳnh Thị Môn	Phuong Quý 1	990	112/QĐ-UBND	04/4/2006
43	Ngô Đậu	Phuong Quý 1	986	113/QĐ-UBND	04/4/2006
44	Ngô Sinh Tùng	Phuong Quý 1	982	114/QĐ-UBND	04/4/2006
45	Phan Nhật Thành	Phuong Quý 1	928	115/QĐ-UBND	04/4/2006
46	Đoàn Văn Sự	Phuong Quý 1	993	116/QĐ-UBND	04/4/2006
47	Phạm Văn Sáu	Phuong Quý 2	991	117/QĐ-UBND	04/4/2006
48	Nguyễn Anh Tuấn	Phuong Quý 1	1.061	118/QĐ-UBND	04/4/2006
49	Lê Thái Thực	Phuong Quý 1	1.004	119/QĐ-UBND	04/4/2006
50	Trần Sáu	Phuong Quý 1	1.001	120/QĐ-UBND	04/4/2006
51	Lê Duy Kha	Phuong Quý 1	1.023	121/QĐ-UBND	04/4/2006
52	Trần Thị Ái Vi	Phuong Quý 1	1.604	122/QĐ-UBND	04/4/2006
53	Nguyễn Ngọc Vũ	Phuong Quý 1	1.629	123/QĐ-UBND	04/4/2006
54	Nguyễn Minh Châu	Phuong Quý 1	1.645	124/QĐ-UBND	04/4/2006
55	Nguyễn Quốc Ngọc	Phuong Quý 1	997	125/QĐ-UBND	04/4/2006
56	Nguyễn Thị Ban	Phuong Quý 1	1.002	126/QĐ-UBND	04/4/2006
57	Trần Công Suy	Phuong Quý 1	1.009	127/QĐ-UBND	04/4/2006
58	Nguyễn Ngọc Hùng	Phuong Quý 1	1.024	128/QĐ-UBND	04/4/2006
59	Nguyễn Thị Kim Thu	Phuong Quý 1	1.030	129/QĐ-UBND	04/4/2006
60	Trịnh Anh Huy	Phuong Quý 1	1.044	130/QĐ-UBND	04/4/2006
61	Nguyễn Thị Tuyết	Phuong Quý 1	989	131/QĐ-UBND	04/4/2006
62	Nguyễn Thị Tinh	Phuong Quý 1	1.225	132/QĐ-UBND	04/4/2006
63	Trần Thị Du Phương	Phuong Quý 1	1.045	133/QĐ-UBND	04/4/2006
64	Lê Trường Sanh	Phuong Quý 1	1.660	134/QĐ-UBND	04/4/2006
65	Trần Xuân Thông	Phuong Quý 1	1.669	135/QĐ-UBND	04/4/2006
66	Ngô Tấn Lực	Phuong Quý 1	1.728	136/QĐ-UBND	04/4/2006
67	Trịnh Văn Tài	Phuong Quý 1	2.493	137/QĐ-UBND	04/4/2006
68	Nguyễn Văn Thâm	Phuong Quý 1	1.680	138/QĐ-UBND	04/4/2006
69	Lê Văn Bình	Phuong Quý 1	1.674	139/QĐ-UBND	04/4/2006
70	Trương T. Xuân Phúc	Phuong Quý 1	1.470	140/QĐ-UBND	04/4/2006
71	Nguyễn Xuân Hồng	Phuong Quý 1	1.615	141/QĐ-UBND	04/4/2006
72	Trần Văn Thuận	Phuong Quý 1	1.621	142/QĐ-UBND	04/4/2006
73	Đoàn Văn Khương	Phuong Quý 1	1.642	143/QĐ-UBND	04/4/2006
74	Trần Phú Quý	Phuong Quý 1	1.744	144/QĐ-UBND	04/4/2006
75	Đặng Ân	Phuong Quý 1	1.752	145/QĐ-UBND	04/4/2006
76	Đặng Hồng Thăng	Phuong Quý 1	1.728	146/QĐ-UBND	04/4/2006
77	TRẦN Văn Năm	Phuong Quý 1	1.708	147/QĐ-UBND	04/4/2006
78	Võ Ngọc Suy	Phuong Quý 1	1.650	148/QĐ-UBND	04/4/2006
79	Nguyễn Thị Kim Nhân	Phuong Quý 1	1.533	149/QĐ-UBND	04/4/2006
80	Nguyễn Minh Tuấn	Phuong Quý 1	1.572	150/QĐ-UBND	04/4/2006
81	Đinh Bạt Vạn	Phuong Quý 1	1.510	151/QĐ-UBND	04/4/2006
82	Trần Thị Kim Ánh	Phuong Quý 1	1.507	152/QĐ-UBND	04/4/2006
83	Phùng Đức Lập	Phuong Quý 1	1.380	153/QĐ-UBND	04/4/2006
84	Trần Hải Quân	Phuong Quý 1	1.371	154/QĐ-UBND	04/4/2006
85	Võ Thị Thu Hà	Phuong Quý 1	1.864	155/QĐ-UBND	04/4/2006
86	Lê Văn Nhân	Phuong Quý 1	1.776	156/QĐ-UBND	04/4/2006
87	Nguyễn Đình Thọ	Phuong Quý 1	1.657	157/QĐ-UBND	04/4/2006
88	Trần Cao Nguyên	Phuong Quý 1	1.770	158/QĐ-UBND	04/4/2006

89	Phạm Thị Suông	Phương Quý 1	1.604	159/QĐ-UBND	04/4/2006
90	Đặng Hồng Vân	Phương Quý 1	1.681	160/QĐ-UBND	04/4/2006
91	Nguyễn Thị Chương	Phương Quý 1	1.403	161/QĐ-UBND	04/4/2006
92	Huỳnh Hữu Minh	Phương Quý 1	1.532	162/QĐ-UBND	04/4/2006
93	Huỳnh Ngọc Châu	Phương Quý 1	1.535	163/QĐ-UBND	04/4/2006
94	Trương Công Quý	Phương Quý 1	1.546	164/QĐ-UBND	04/4/2006
95	Trần Công Nhân	Phương Quý 1	1.506	165/QĐ-UBND	04/4/2006
96	Đoàn Văn Dân	Phương Quý 1	1.389	166/QĐ-UBND	04/4/2006
97	Nguyễn Đình Thông	Phương Quý 1	1.383	167/QĐ-UBND	04/4/2006
98	Nguyễn Thị Thu Hồng	Phương Quý 1	2.489	168/QĐ-UBND	04/4/2006
99	Hà Thị Thành	Phương Quý 1	2.613	169/QĐ-UBND	04/4/2006
100	Trần Thị Hoa	Phương Quý 1	1.510	170/QĐ-UBND	04/4/2006
101	Hồ Ngọc Trung	Phương Quý 1	1.505	171/QĐ-UBND	04/4/2006
102	Trần Thị Minh	Phương Quý 1	2.248	172/QĐ-UBND	04/4/2006
103	Ngô Mạnh Chung	Phương Quý 1	1.660	173/QĐ-UBND	04/4/2006
104	Trần Thị Mỹ Linh	Phương Quý 1	1.892	174/QĐ-UBND	04/4/2006
105	Nguyễn Thị Hải	Phương Quý 1	1.844	175/QĐ-UBND	04/4/2006
106	Nguyễn Tàu	Phương Quý 1	1.465	176/QĐ-UBND	04/4/2006
II	Thu hồi diện tích đất				
107	Lê Thị Hồng Đước	Phương Quý 1	1.463	177/QĐ-UBND	04/4/2006
108	Bùi Văn Thọ	Phương Quý 1	2.481	178/QĐ-UBND	04/4/2006
109	Lê Thị Chung	Phương Quý 1	1.199	179/QĐ-UBND	04/4/2006
110	Phạm Kim Nhị	Phương quý 1	1.408	180/QĐ-UBND	04/4/2006
	Tổng Cộng		154.373m²		

**DANH SÁCH CÁC TRƯỜNG HỢP ĐÃ THU HỒI
ĐƯỢC GIẤY CNQSD ĐẤT**

ST T	Họ và tên	Địa chỉ người sử dụng đất	Diện tích (m²)	Thửa/ tờ BD	Số Giấy CNQSD đất
I. Vị trí đất hiện nay thuộc địa giới hành chính phường Ngô Mây:					
1	Nguyễn Nhân	Phương Quý 1	978	3(9)	U 326660
2	Phan Văn Kiên	Phương Quý 2	1007	7(9)	U 326664
3	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	Phương Quý 1	958	15(9)	U 326671
4	Ngô Tấn Giang	Phương Quý 2	964	17(9)	U 326673
5	Trương Thị Xuân Hạnh	Phương Quý 1	993	18(9)	U 326674
6	Huỳnh Xuân Quang	Trung Thành	974	9(10)	U 326787
7	Phạm Văn Phi	Phương Quý 2	1062	17(10)	U 326695
II. Vị trí đất hiện nay thuộc địa giới hành chính xã Vinh Quang:					
1	Trương Thị Xuân Lập	Phương Quý 1	977	29(9)	U 326684
2	Nguyễn Hồng Chiến	Phương Quý 2	2314	36(13)	U 326696
3	Nguyễn Tấn Mai	Phương Quý 2	959	6(13)	U 326697
4	Nguyễn Thị Phi Công	Phương Quý 2	991	1(13)	U 326798
5	Ngô Đậu	Phương Quý 1	986	4(13)	U 326700
6	Ngô Sinh Tùng	Phương Quý 2	982	5(13)	U 326701
7	Phan Nhật Thành	Trung Thành	928	7(13)	U 326702
8	Nguyễn Ngọc Hùng	Thành Phố KT	1024	21(13)	U 326714
9	Nguyễn Thị Kim Thu	Phương Quý 1	1030	22(13)	U 326715
10	Trịnh Anh Huy	Phương Quý 1	1044	23(13)	U 326716
11	Nguyễn Thị Tinh	Thành Phố KT	1225	26(13)	U 326718
12	Trần Thị Du Phương	Phương Quý 1	1045	29(13)	U 326720
13	Phùng Đức Lập	Phương Quý 1	1380	55(13)	U 326744
14	Phạm Thị Suông	Phương Quý 1	1604	67(13)	U 326755
15	Đặng Hồng Vân	Phương Quý 1	1681	70(13)	U 326758
16	Huỳnh Hữu Minh	Phương Quý 2	1532	72(13)	U 326760
17	Huỳnh Trọng Châu	Phương Quý 1	1.535	73 (13)	U 326762
18	Nguyễn Thị Hải	Kon Rơ Bang 1	1844	1(14)	U 326902
19	Bùi Văn Thọ	P.Quyết Thắng	2481	3(14)	U 326904
20	Lê Thị Chúng	Trung Thành	1199	194(1)	U 326800
21	Phạm Kim Nhi	Phương quý 1	1408	27(14)	U 326719

**DANH SÁCH CÁC HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN
KHÔNG GIAO NỘP GIẤY CNQSD ĐẤT**

ST T	Họ và tên	Địa chỉ (thôn)	Diện tích (m ²)	Số thửa/tờ bản đồ	Số cấp QSDD
I. Phường Ngô Mây hiện nay:					
1	Nguyễn Thị Bích Huyền	Phương Quý 2	990	2(9)	01876
2	Nguyễn Đức Dũng	Phương Quý 2	973	4(9)	01878
3	Nguyễn Thị Tươi	Phương Quý 1	990	5(9)	01879
4	Nguyễn Thị Kim Hoa	Phương Quý 1	960	6(9)	01880
5	Nguyễn Thị Thanh Quang	Phương Quý 2	1003	8(9)	01882
6	Phan Đình Nam	Phương Quý 1	1038	9(9)	01883
7	Nguyễn Thị Nguyễn	Phương Quý 2	998	10(9)	01884
8	Trần Quốc Tuấn	Kon Rơ Bang 1	998	11(9)	01885
9	Nguyễn Đức Dũng	Phương Quý 2	998	12(9)	01886
10	Võ Công Đức	Kon Rơ Bang	1059	13(9)	01887
11	Nguyễn Đình Thi	Phương Quý 2	999	14(9)	01888
12	Nguyễn Thị Bích Chương	Phương Quý 1	961	16(9)	01890
13	Nguyễn Khắc Liệt	Phương Quý 1	988	19(9)	01893
14	Nguyễn Phúc Vĩnh	Phương Quý 2	1012	20(9)	01894
15	Nguyễn Thị Kim Anh	Phương Quý 2	982	7(10)	01903
16	Thái Thị Mỹ Thạch	Phương Quý 2	969	8(10)	01904
17	Đồ Thị Thoan	Trung Thành	982	10(10)	01906
18	Đỗ Thị Kim Thương	Trung Thành	866	11(10)	01907
19	Lê Tấn Thành	Phương Quý 2	912	12(10)	01908
20	Nguyễn Ngọc Huân	Phương Quý 2	974	13(10)	01909
21	Nguyễn Ngọc Bích	Chuyển nơi khác	997	14(10)	01910
22	Hồ Nguyên Vũ	Phương Quý 2	995	15(10)	01911
23	Nguyễn Văn Khoa	Phương Quý 2	988	16(10)	01912
II. Xã Vinh Quang hiện nay:					
1	Trịnh Văn Long	Phương Quý 1	1016	21(9)	01895
2	Nguyễn Tường Vi	Phương Quý 2	1016	22(9)	01896
3	Nguyễn Thị Trâm	Phương Quý 2	1006	23(9)	01897
4	Ung Đình Trung	Phương Quý 2	1052	24(9)	01898
5	Nguyễn Đình Truyền	Phương Quý 2	1026	25(9)	01899
6	Nguyễn Minh Kiệt	Phương Quý 1	10150	26(9)	01900
7	Võ Thị Phương Thùy	Phương Quý 2	966	28(9)	01901
8	Huỳnh Thị Môn	Phương Quý 2	990	3(13)	01917
9	Đoàn Văn Sự	Phương Quý 2	993	8(13)	01921
10	Phạm Văn Sáu	Phương Quý 2	991	9(13)	01922

11	Nguyễn Anh Tuấn	Phương Quý 2	1061	10(13)	01923
12	Lê Thái Thực	Phương Quý 2	1004	11(13)	01924
13	Trần Sáu	Phương Quý 2	1001	12(13)	01925
14	Lê Duy Kha	Phương Quý 2	1023	13(13)	01926
15	Trần Thị Ái Vi	Phương Quý 2	1604	15(13)	01927
16	Nguyễn Ngọc Vũ	Phương Quý 2	1629	16(13)	01928
17	Nguyễn Minh Châu	Phương Quý 2	1645	17(13)	01929
18	Nguyễn Quốc Ngọc	Phương Quý 2	997	18(13)	01930
19	Nguyễn Thị Ban	Phương Quý 2	1002	19(13)	01931
20	Trần Công Suy	Phương Quý 2	1009	20(13)	01932
21	Nguyễn Thị Tuyết	Phương Quý 2	989	24(13)	01936
22	Lê Trường Sanh	Phương Quý 2	1660	30(13)	01940
23	Trần Xuân Thông	Phương Quý 1	1669	31(13)	01941
24	Ngô Tân Lực	Phương Quý 1	1728	32(13)	01942
25	Trịnh Văn Tài	Phương Quý 1	2493	33(13)	01943
26	Nguyễn Văn Thâm	Phương Quý 1	1680	34(13)	01944
27	Lê Văn Bình	Phương Quý 1	1674	35(13)	01945
28	Trương Thị Xuân Phúc	Phương Quý 1	1470	37(13)	01946
29	Nguyễn Xuân Hồng	Phương Quý 1	1615	38(13)	01947
30	Trần Văn Thuận	Phương Quý 2	1621	39(13)	01948
31	Đoàn Văn Khương	Phương Quý 2	1642	40(13)	01949
32	Trần Phú Quý	Phương Quý 2	1744	41(13)	01950
33	Đặng Ân	Phương Quý 2	1752	42(13)	01951
34	Đặng Hồng Thăng	Phương Quý 2	1728	43(13)	01952
35	Trần Văn Năm	Phương Quý 2	1708	44(13)	01953
36	Võ Ngọc Suy	Phương Quý 2	1650	45(13)	01954
37	Nguyễn Thị Kim Ngân	Phương Quý 2	1533	46(13)	01955
38	Nguyễn Minh Tuấn	Phương Quý 2	1572	47(13)	01956
39	Đình Bạt Vạn	Phương Quý 2	1510	48(13)	01957
40	Trần Thị Kim Ánh	Phương Quý 1	1507	54(13)	01962
41	Trần Hải Quân	Phương Quý 2	1371	56(13)	01964
42	Võ Thị Thu Hà	Phương Quý 1	1864	63(13)	01970
43	Lê Văn Nhân	Phương Quý 2	1776	64(13)	01971
44	Nguyễn Đình Thọ	Phương Quý 2	1657	65(13)	01972
45	Trần Cao Nguyên	Phương Quý 2	1770	66(13)	01973
46	Nguyễn Thị Chưởng	Phương Quý 2	1403	71(13)	01978
47	Trương Công Quý	Phương Quý 1	1546	74(13)	01981
48	Trần Công Nhân	Phương Quý 2	1506	75(13)	01982
49	Đoàn Văn Dân	Trung Thành	1389	76(13)	01983
50	Nguyễn Đình Thông	Phương Quý 1	1383	77(13)	01984
51	Nguyễn Thị Thu Hồng	Phương Quý 2	2489	87(13)	01994
52	Hà Thị Thành	Phương Quý 1	2613	28(14)	02008
53	Trần Thị Hoa	Phương Quý 1	1510	29(14)	01550
54	Hồ Ngọc Trung	Phương Quý 1	1505	30(14)	01551
55	Trần Thị Minh	Phương Quý 2	2248	31(14)	01552

56	Ngô Mạnh Chung	Phương Quý 2	1660	64(14)	01554
57	Trần Thị Mỹ Linh	Phương Quý 2	1892	97(14)	01556
58	Nguyễn Tàu	Phương Quý 2	1465	11(14)	01590
59	Lê Thị Ngọc Được	Phương Quý 1	1463	2(14)	